

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 22/1/2024 - 26/1/2024

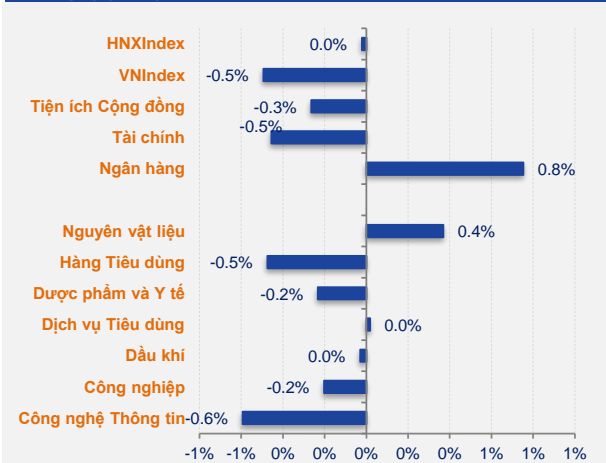
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thông kê thị trường				
Index	1,175.67 ↓	-0.5%	229.43 ↓	0.0%
KLGD (trCP)	3,136.14 ↑	4.3%	303.80 ↓	-5.1%
GTGD (tỷ VND)	73,415.50 ↑	4.4%	5,466.78 ↓	-6.4%
Tổng cung (trCP)	6,407.63 ↓	-18.0%	646.40 ↑	0.8%
Tổng cầu (trCP)	5,938.02 ↓	-18.5%	520.03 ↑	1.7%

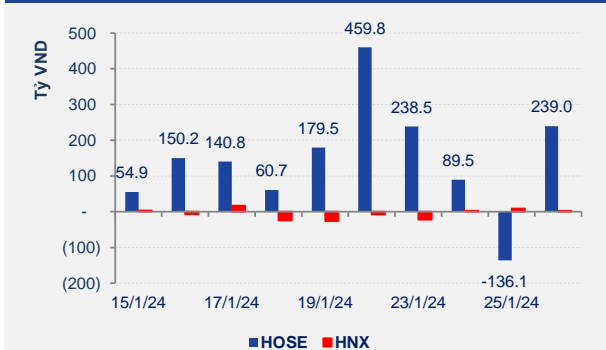
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	251.80 ↑	45.5%	2.90 ↓	-52.4%
KL bán (trCP)	193.92 ↑	26.3%	5.27 ↓	-0.6%
GT mua (tỷ VND)	7,584.81 ↑	28.1%	89.55 ↓	-20.2%
GT bán (tỷ VND)	6,694.08 ↑	25.5%	104.88 ↓	-30.5%

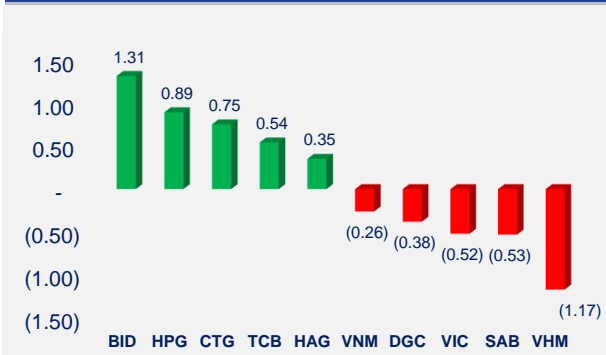
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần tăng giá tích cực, VN-INDEX trong tuần này duy trì tâm lý tích cực khi đầu tuần tiếp tục tăng điểm lên vùng giá quanh 1.190 điểm, VN-INDEX sau đó có 04 phiên liên tiếp chịu áp lực điều chỉnh, phần lớn đến từ ảnh hưởng nhóm ngân hàng sau nhiều tuần tăng giá mạnh trong vùng quá mua với thanh khoản giảm dần khi điều chỉnh. VN-INDEX phục hồi tốt trở lại ở vùng giá 1.165 điểm và tăng điểm trong phiên cuối tuần với thanh khoản gia tăng trở lại. Kết tuần VN-INDEX ở mức 1.175,67 điểm giảm 0,49% so với tuần trước với mức độ phân hóa tích cực. HNX-INDEX kết tuần ở mức 229,43 điểm giảm nhẹ 0,02% so với tuần trước

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 73.415,50 tỉ đồng, tăng 4,4% so với tuần trước, dưới mức trung bình, khối lượng giao dịch tăng 4,3%. HNX-INDEX thanh khoản giảm 6,4% với 5.466,78 tỉ đồng được giao dịch. Thể hiện mức độ phân hóa mạnh và dòng tiền ngắn hạn vẫn có tín hiệu xoay vòng tích cực, luân chuyển ở từng nhóm mã với nhiều mã vẫn tăng giá vượt trội trong thời gian công bố kết quả kinh doanh quý IV/2023. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch và mua ròng tuần thứ 2 với giá trị gia tăng 890,73 tỉ đồng trên HOSE là động lực tích cực đối với các mã, nhóm mã được mua ròng; tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị 15,33 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: Ngân hàng Trung ương Nhật Bản quyết định tiếp tục duy trì lãi suất âm, cam kết sẽ định hướng lãi suất ngắn hạn ở mức âm 0,1% và lãi suất 10 năm ở mức 0%; Trong cuộc họp báo ngày 24/01/2024, Thống đốc NHTW Trung Quốc cho biết động thái hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ ngày 05/02/2024 sẽ bơm thêm 1 ngàn tỷ Nhân dân tệ (139 tỷ USD) thanh khoản dài hạn vào thị trường; GDP của nền kinh tế số 1 thế giới Mỹ tăng 3,3% trong quý 4/2023, dựa trên dữ liệu được điều chỉnh theo mùa và theo lạm phát. Con số này giảm so với mức tăng trong quý 3/2023 là 4,9% nhưng cao hơn ước tính của Phố Wall là 2%.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau giai đoạn tăng giá mạnh đa số đã chịu áp lực điều chỉnh, phân hóa trong biên độ hẹp, thanh khoản duy trì ở mức cao, trên trung bình như OCB (-2,67%), NAB (-1,91%), BID (-1,81%), EIB (-1,76%)... ngoài các mã tăng giá với SSB (+2,31%), PGB (+1,67%), HDB (+1,67%), SHB (+1,65%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp lại có diễn biến khá tích cực, nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản rất đột biến trước những thông tin kết quả kinh doanh quý IV/2023 duy trì tăng trưởng tốt, nổi bật như D2D (+15,22%), SIP (+10,92%), TIP (+5,88%), NTC (+4,7%)... ngoài các mã giảm điểm KBC (-4,28%), SNZ (-2,12%)...

Thị trường có rất nhiều cổ phiếu có diễn biến tăng giá vượt trội, đột biến trong tuần qua khi có những thông tin kết quả kinh doanh tốt như trong nhóm phân bón LAS (+11,26%), DDV (+2,91%), hóa chất CSV (+17,17%), nông nghiệp HAG (+7,30%), HNG (+5,29%), MCM (+4,83%), sắn lát DRC (+5,89%) .. hay các mã như VFG (+16,16%), VTP (+11,65%), FRT (+5,11%), ACV (+8,27%), DXP (+7,38%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn chính VN30F2402, kết tuần ở mức 1.187 điểm, chênh lệch dương 4,18 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch dưới mức trung bình. VN30F2402 duy trì xu hướng tăng trường ngắn hạn trên vùng hỗ trợ 1.175 điểm - 1.180 điểm, vùng kháng cự tâm lý 1.200 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 5,18 điểm đến 0,18 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch dương, thể hiện các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn và phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 22/1/2024 - 26/1/2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Sau chuỗi 3 phiên điều chỉnh liên tiếp thị trường có xu hướng kết thúc điều chỉnh bằng phiên tăng điểm hôm nay, vận động khá tích cực. Chốt phiên thị trường tăng +5,30 điểm (+0,45%) và đóng cửa ở 1.175,67 điểm. Trong ngắn hạn VnIndex đang trong nhịp tăng và phát tín hiệu kết thúc điều chỉnh test nền tích lũy trước đó như chúng tôi thường xuyên đề cập và có thể kỳ vọng VnIndex sẽ tiếp tục tăng điểm trong các phiên tới với ngưỡng kháng cự tâm lý gần nhất là vùng 1.200 điểm. Về trung hạn VnIndex đang vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Phiên hôm nay thị trường có hiệu kết thúc đợt điều chỉnh, nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét mua vào trong các nhịp rung lắc trong các phiên tới với kỳ vọng VnIndex sẽ có đợt tăng mới tích cực. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 22/1/2024 - 26/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	32.70	31-33	38-39	29	8.1	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	29.65	25-26.3	29.5-30.5	23	14.2	-1.5%	17.0%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	26.00	22.3	28-28.5	25	16.6%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	48.70	45.1	52-53	48	8.0%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.65	27.55	30-31	26.5	0.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.25	18.09	23-24	19	6.4%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Bộ Công Thương đề xuất năm nay tăng tiếp giá điện**

Với chi phí đầu vào (than, dầu, khí) biến động và EVN ghi nhận lỗ gần 38.000 tỷ đồng trong 2022-2023, Bộ Công Thương đề xuất điều chỉnh tiếp giá điện năm nay. Năm ngoái, giá bán lẻ điện bình quân đã tăng 7,5%, lên 2.092,78 đồng một kWh, sau khi được nhà chức trách điều chỉnh hai lần vào tháng 5 và 11. Tại cuộc họp Ban chỉ đạo giá đầu tuần này, Bộ Công Thương kiến nghị điều chỉnh giá điện trong năm nay, để phản ánh biến động các chi phí đầu vào và giúp tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có nguồn lực thanh toán cho chủ đầu tư các nhà máy điện.

Thứ trưởng Mỹ: 15 doanh nghiệp muốn đầu tư ngay 8 tỷ USD vào năng lượng sạch Việt Nam

Thứ trưởng Mỹ cho biết, hiện có khoảng 15 doanh nghiệp Mỹ đang mong muốn đầu tư ngay vào Việt Nam khoảng 8 tỷ USD trong lĩnh vực năng lượng sạch. Đồng thời, Mỹ đang xem xét công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường và bãi bỏ các hạn chế liên quan xuất khẩu công nghệ cao với Việt Nam. Chiều 25/1, Thủ tướng Phạm Minh Chính tiếp ông Jose Fernandez, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ phụ trách tăng trưởng kinh tế, môi trường và năng lượng, đang thăm và làm việc tại Việt Nam. Phát biểu tại buổi tiếp, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ Jose Fernandez cho biết, phía Mỹ đang rất tích cực tiếp tục xem xét, giải quyết các vấn đề mà Thủ tướng đã nêu liên quan quy chế kinh tế thị trường và các hạn chế liên quan xuất khẩu công nghệ cao.

Đề xuất thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trị

Dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trị có tổng mức vốn đầu tư là hơn 55.000 tỷ đồng, tương đương 2,516 tỷ USD. Chiều 24/1, lãnh đạo tỉnh Quảng Trị đã có làm việc với liên danh nhà đầu tư CTCP Tập đoàn T&T và Công ty TNHH SK E&S về đề xuất dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trị. Tại buổi làm việc, đại diện liên danh nhà đầu tư CTCP Tập đoàn T&T và Công ty TNHH SK E&S đã báo cáo khái quát về năng lực liên danh nhà đầu tư. Liên danh này đề xuất triển khai đầu tư dự án nhiệt điện LNG Quảng Trị và dự kiến kế hoạch thực hiện trong thời gian tới.

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2023 - 2024

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 5/2024/NĐ-CP về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2023 - 2024. Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt và điều kiện hưởng theo Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2023 - 2024 (Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2023 - 2024).

TIN DOANH NGHIỆP**Lợi nhuận Tập đoàn PAN (PAN) tăng 9% trong năm 2023, lên 408 tỷ đồng**

CTCP Tập đoàn PAN (mã PAN – sàn HOSE) ghi nhận lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2023 tăng trưởng trên 9% và vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã đề ra. Trong quý IV/2023, Tập đoàn PAN ghi nhận doanh thu đạt 4.196 tỷ đồng, tăng 7,6% so với cùng kỳ, chủ yếu đóng góp bởi mức tăng trưởng tốt của lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là mảng nông dược với tăng trưởng 37%, trong khi chứng kiến mức suy giảm nhẹ của doanh thu tại mảng bánh kẹo và hạt điều. Luỹ kế trong năm 2023, doanh thu hợp nhất ghi nhận 13,2 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với năm 2022. Năm 2023, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 408 tỷ đồng, tăng trưởng 9% so với 2022.

Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCE) thoát lỗ cả năm nhờ lãi quý IV/2023

Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (mã BCE – sàn HOSE) ghi nhận lãi 1,88 tỷ đồng trong năm 2023, luỹ kế tới cuối năm 2023 vẫn lỗ hơn 39 tỷ đồng. Trong quý IV/2023, Xây dựng và Giao thông Bình Dương ghi nhận doanh thu đạt 31,24 tỷ đồng, giảm 76,7% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế ghi nhận lãi 17,6 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 44,22 tỷ đồng. Luỹ kế trong năm 2023, Xây dựng và Giao thông Bình Dương ghi nhận doanh thu đạt 122,67 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận lãi 1,88 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 60,2 tỷ đồng, tức tăng thêm 62,08 tỷ đồng.

NCT tiếp tục duy trì biên lãi ròng “đáng thèm khát” 30%

Khép lại quý 4/2023, lãi ròng NCT thu hẹp 19% so với cùng kỳ, còn 54 tỷ đồng dù doanh thu tăng. Dù vậy, kết quả này vẫn giúp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng hóa trong ngành hàng không đạt biên lãi ròng đến 30% năm 2023, con số đáng “thèm khát” với bất kỳ mô hình kinh doanh nào. Mức biên lãi ròng 30% của CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (HOSE: NCT) có thể nói là cao so với các doanh nghiệp trên thị trường nhưng đây lại là mức thấp nhất mà Công ty ghi nhận kể từ năm 2008, và có xu hướng thu hẹp dần.

Thương hiệu Việt nức tiếng thời bao cấp vẫn “chạy tốt”, lãi tiền tỷ mỗi ngày nhờ chuyển đổi số

Theo BCTC quý 4/2023, CTCP Bông đèn Phích nước Rạng Đông (HOSE: RAL) đạt doanh thu thuần gần 3.4 ngàn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Luỹ kế năm 2023, doanh thu thuần của RAL hơn 8.3 ngàn tỷ đồng và lãi sau thuế hơn 584 tỷ đồng (tương đương lãi 1.6 tỷ đồng/ngày), cùng tăng 20% so với năm trước và đều là các mức cao kỷ lục trong lịch sử hoạt động của Doanh nghiệp. EPS đạt 24,813 đồng - thuộc top đầu trên sàn chứng khoán. So với kế hoạch đề ra, RAL vượt 36% chỉ tiêu doanh thu và bỏ xa tới 69% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	12,639,456	TPB	(4,725,909)
2	EIB	11,914,729	VND	(3,957,753)
3	HPG	10,255,371	VHM	(3,326,925)
4	VPB	7,721,773	SAB	(2,973,149)
5	HCM	6,860,122	VNM	(2,593,466)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	1,020,640	PVS	(1,873,800)
2	BVS	201,200	TIG	(418,650)
3	MBG	152,800	HUT	(200,900)
4	DHT	86,000	EVS	(180,000)
5	IDJ	79,500	DXP	(154,289)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.00	12.35	↑ 2.92%	155,322,583
EIB	19.30	19.50	↑ 1.04%	114,288,672
STB	29.70	30.30	↑ 2.02%	94,758,402
VIX	17.45	17.35	↓ -0.57%	94,471,693
SSI	33.65	34.10	↑ 1.34%	92,383,672

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.60	18.40	↓ -1.08%	52,422,383
CEO	21.80	21.70	↓ -0.46%	24,028,468
MBS	23.70	24.60	↑ 3.80%	21,681,049
HUT	19.60	19.50	↓ -0.51%	16,615,824
PVS	37.10	36.90	↓ -0.54%	14,185,386

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TVB	5.40	7.22	1.8	↑ 33.70%
VFG	36.00	47.80	11.8	↑ 32.78%
HCD	7.40	9.64	2.2	↑ 30.27%
CSV	43.65	53.90	10.3	↑ 23.48%
D2D	25.55	29.90	4.4	↑ 17.03%

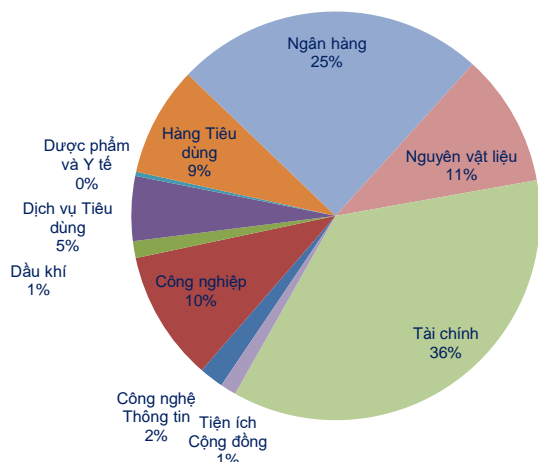
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSQ	1.90	2.80	0.9	↑ 47.37%
NAP	9.00	11.60	2.6	↑ 28.89%
TTH	3.60	4.60	1.0	↑ 27.78%
V21	6.10	7.70	1.6	↑ 26.23%
HGM	40.00	49.50	9.5	↑ 23.75%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FIR	12.75	9.80	-3.0	↓ -23.14%
SFC	25.40	19.75	-5.7	↓ -22.24%
APC	9.50	8.20	-1.3	↓ -13.68%
PMG	9.50	8.20	-1.3	↓ -13.68%
TDP	29.40	25.40	-4.0	↓ -13.61%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHC	112.50	82.30	-30.2	↓ -26.84%
TKG	13.80	10.40	-3.4	↓ -24.64%
L43	3.90	3.20	-0.7	↓ -17.95%
VTH	9.60	8.00	-1.6	↓ -16.67%
ATS	19.80	16.60	-3.2	↓ -16.16%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	155,322,583	15.9%	2,036	6.0	0.9
EIB	114,288,672	8.3%	1,013	19.4	1.3
STB	94,758,402	17.5%	3,825	8.0	1.3
VIX	94,471,693	11.6%	1,444	12.0	1.3
SSI	92,383,672	8.9%	1,346	25.2	2.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	52,422,383	5.7%	688	26.8	1.5
CEO	24,028,468	6.7%	955	22.6	1.8
MBS	21,681,049	12.3%	1,334	18.5	2.1
HUT	16,615,824	0.8%	122	160.2	1.6
PVS	14,185,386	6.7%	1,846	19.9	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TVB	↑ 33.7%	5.8%	563	12.9	0.8
VFG	↑ 32.8%	24.8%	7,079	6.4	1.5
HCD	↑ 30.3%	12.0%	1,404	6.5	0.7
CSV	↑ 23.5%	14.1%	4,617	11.0	1.6
D2D	↑ 17.0%	2.6%	840	33.3	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSQ	↑ 47.4%	3.0%	265	9.8	0.3
NAP	↑ 28.9%	9.0%	1,002	10.6	0.9
TTH	↑ 27.8%	4.4%	487	8.6	0.4
V21	↑ 26.2%	0.0%	5	1,423.5	0.7
HGM	↑ 23.8%	28.8%	4,577	10.5	2.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	12,639,456	2.8%	516	48.9	1.3
EIB	11,914,729	8.3%	1,013	19.4	1.3
HPG	10,255,371	1.9%	322	87.8	1.6
VPB	7,721,773	9.7%	1,461	13.5	1.2
HCM	6,860,122	8.3%	1,247	21.1	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	1,020,640	17.0%	3,177	16.0	3.0
BVS	201,200	8.7%	2,710	9.6	0.8
MBG	152,800	2.6%	283	17.7	0.5
DHT	86,000	9.1%	1,147	21.8	1.9
IDJ	79,500	4.0%	460	12.8	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	508,607	22.6%	6,013	15.1	3.2
BID	275,901	17.6%	3,450	14.0	2.1
VHM	183,319	25.0%	9,468	4.4	1.0
GAS	173,174	19.0%	5,283	14.3	2.3
CTG	172,108	15.7%	3,377	9.5	1.3

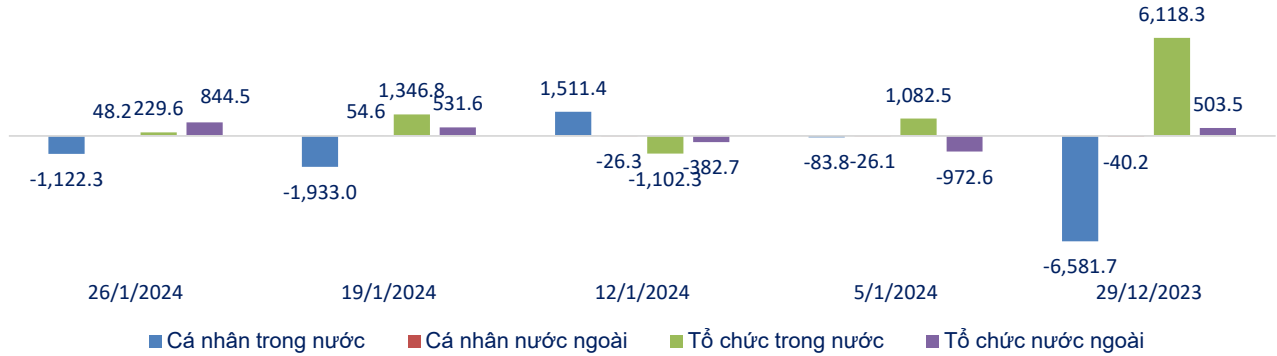
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,589	6.7%	1,846	19.9	1.3
HUT	17,404	0.8%	122	160.2	1.6
IDC	16,764	17.0%	3,177	16.0	3.0
SHS	14,962	5.7%	688	26.8	1.5
THD	13,629	2.9%	460	77.0	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SAB	173.26	16.5%	3,286	17.9	1.4
VNM	153.72	24.4%	4,029	16.6	4.1
VHM	138.74	25.0%	9,468	4.4	1.0
MSN	136.10	2.2%	572	116.7	2.5
DGC	134.94	27.2%	8,186	10.8	2.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-599.65	1.9%	322	87.8	1.6
VCG	-323.81	2.8%	516	48.9	1.3
EIB	-314.62	8.3%	1,013	19.4	1.3
HSG	-234.57	0.3%	49	474.2	1.3
NVL	-227.70	-1.4%	(309)	-	0.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	18.06	11.6%	1,444	12.0	1.3
MWG	17.47	3.0%	476	95.0	2.8
STB	10.41	17.5%	3,825	8.0	1.3
MSN	6.89	2.2%	572	116.7	2.5
HAH	6.61	16.3%	4,525	8.5	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-18.53	13.0%	1,657	13.2	1.6
FPT	-5.21	23.4%	5,105	18.6	4.0
HCM	-3.32	8.3%	1,247	21.1	1.9
SSI	-2.79	8.9%	1,346	25.2	2.2
AST	-2.54	20.5%	2,316	24.6	4.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	309.90	1.9%	322	87.8	1.6
NVL	209.40	-1.4%	(309)	-	0.7
HSG	93.82	0.3%	49	474.2	1.3
EIB	76.89	8.3%	1,013	19.4	1.3
MWG	61.62	3.0%	476	95.0	2.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-175.63	15.7%	3,377	9.5	1.3
PC1	-169.83	3.6%	814	34.5	1.1
STB	-121.09	17.5%	3,825	8.0	1.3
CTR	-68.54	29.0%	4,346	21.1	5.7
BCM	-58.87	2.5%	432	142.7	3.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

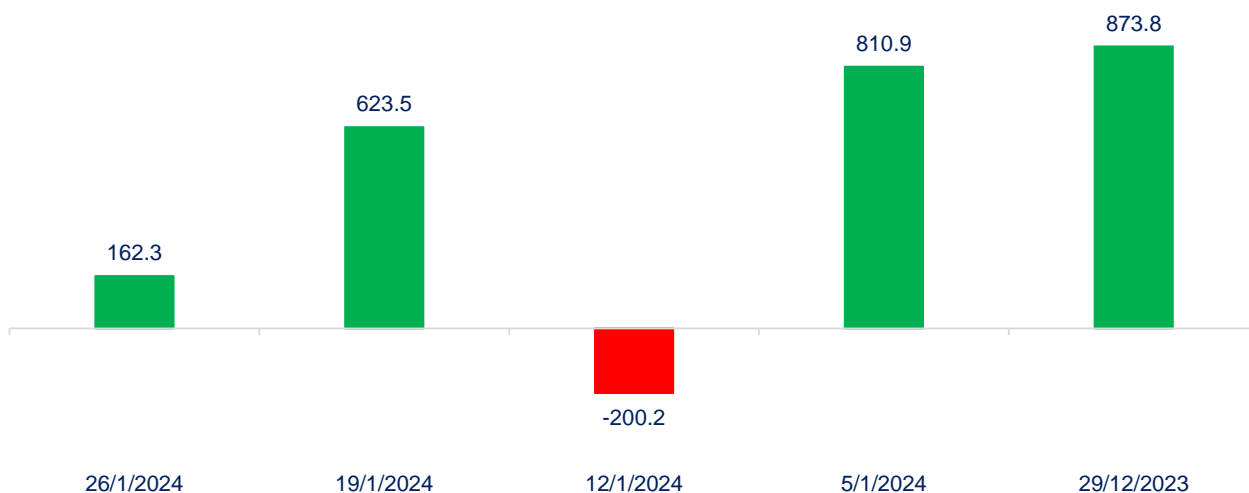
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	321.28	2.8%	516	48.9	1.3
HPG	288.05	1.9%	322	87.8	1.6
EIB	237.78	8.3%	1,013	19.4	1.3
CTG	190.98	15.7%	3,377	9.5	1.3
HCM	179.60	8.3%	1,247	21.1	1.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

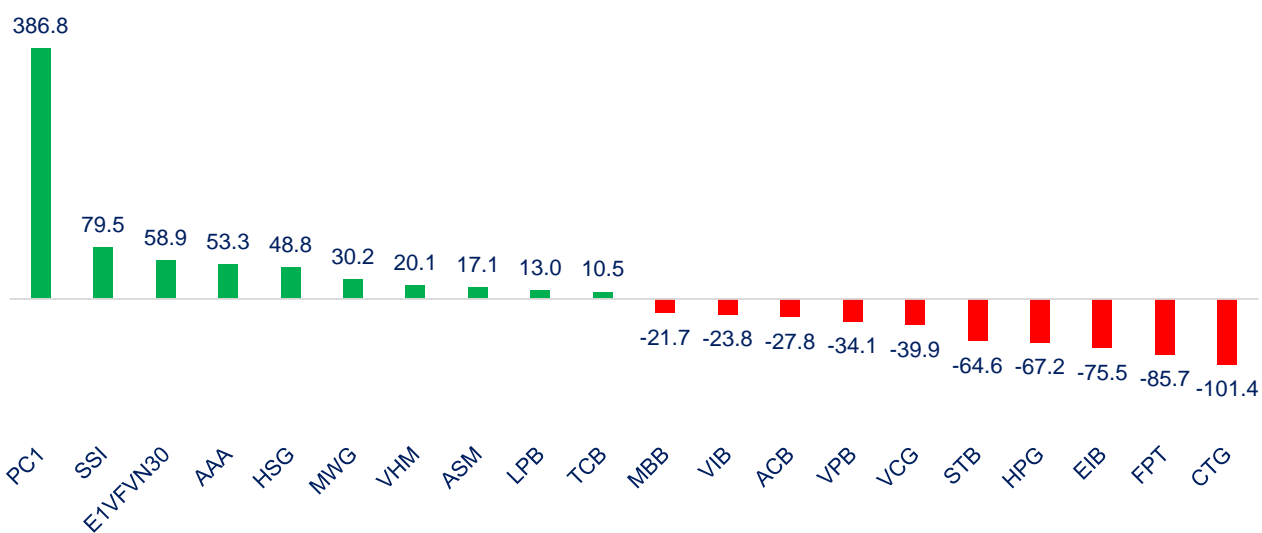
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-175.99	24.4%	4,029	16.6	4.1
SAB	-175.53	16.5%	3,286	17.9	1.4
DGC	-163.26	27.2%	8,186	10.8	2.8
MSN	-141.76	2.2%	572	116.7	2.5
VHM	-141.68	25.0%	9,468	4.4	1.0



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
8/12/2023	26/1/2024	27/12/2023	26/12/2023	HTG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/12/2023	26/1/2024	4/1/2024	3/1/2024	PTB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/12/2023	26/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	M10	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/12/2023	26/1/2024	3/1/2024	2/1/2024	ICN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/12/2023	26/1/2024	15/1/2024	12/1/2024	DHP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/1/2024	26/1/2024	19/1/2024	18/1/2024	DPH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/1/2024	26/1/2024	17/1/2024	16/1/2024	GDT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/1/2024	26/1/2024	29/1/2024	26/1/2024	XMC	Phát hành cổ phiếu
19/1/2024	26/1/2024	26/1/2024	26/1/2024	TCI	Chuyển Sàn
23/1/2024	26/1/2024	29/1/2024	26/1/2024	PGN	Phát hành cổ phiếu
23/1/2024	26/1/2024	29/1/2024	26/1/2024	TDP	Phát hành cổ phiếu
8/12/2023	29/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	SIV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/12/2023	29/1/2024	3/1/2024	2/1/2024	BCF	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2023	29/1/2024	19/1/2024	18/1/2024	SFC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/12/2023	29/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	NBT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/12/2023	29/1/2024	28/12/2023	27/12/2023	PIC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/1/2024	29/1/2024	26/1/2024	26/1/2024	TTZ	Tạm dừng Niêm yết
16/11/2023	30/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	DSN	Đại hội Đồng Cổ đông
15/12/2023	30/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	BID	Đại hội Cổ đông Bất thường
18/12/2023	30/1/2024	2/1/2024	29/12/2023	SGBTB	Đại hội Cổ đông Bất thường
29/12/2023	30/1/2024	18/1/2024	17/1/2024	DHN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2023	30/1/2024	11/1/2024	10/1/2024	STD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/1/2024	30/1/2024	24/1/2024	23/1/2024	VNA	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
16/6/2023	31/1/2024	30/6/2023	29/6/2023	IJC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
1/12/2023	31/1/2024	15/12/2023	14/12/2023	HPP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/12/2023	31/1/2024	12/12/2023	11/12/2023	QTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/12/2023	31/1/2024	8/12/2023	7/12/2023	DNH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/12/2023	31/1/2024	9/1/2024	8/1/2024	VW3	Đại hội Cổ đông Bất thường
21/12/2023	31/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	VSH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	31/1/2024	9/1/2024	8/1/2024	QTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn